

Số: 01./2023/ĐHĐCĐ-BC

Hà nội, ngày 23 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Công ty cổ phần nhân lực và thương mại Vinaconex xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

Sau đây, thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty, tôi xin báo cáo với Quý vị cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

I. THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xuất khẩu lao động và đào tạo phục vụ cho hoạt động XKLD;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, thiết bị;
- Cho thuê mặt bằng làm văn phòng, địa điểm kinh doanh.

Dịch bệnh Covid-19 đã kéo dài từ đầu năm 2020 đến nửa cuối năm 2022, điều này ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH 2022 (theo NQĐHCD)	TH 2022	
				Giá trị	% so KH2022
	1	2	3	4	5=4/3
1	DOANH THU	trđ	48.000	18.167	37,85%
2	LỢI NHUẬN GỘP	trđ	5.220	3.684	70,56%
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	trđ	48	226	470,83%
4	TỶ LỆ CỔ TỨC DỰ KIẾN	%	0%	0%	0%

(Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và có bản chi tiết đính kèm)

1.1 Hoạt động xuất khẩu lao động và đào tạo:

Số lượng lao động đưa đi năm 2022 là 205 người, số quản lý cuối kỳ là 520 lao động.

TT	Thị trường	Quản lý đầu kỳ	Kế hoạch đi	Thực hiện đi	Về nước	Quản lý cuối kỳ	% TH/KH
1	Nhật Bản	363	180	141	44	460	78,33%
2	Rumani		125				

3	Algeria		175	31		31	17,71%
4	Ireland		150	33	4	29	22,00%
	Tổng Cộng	363	630	205	48	520	

Kết quả hoạt động xuất khẩu lao động và đào tạo như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên thị trường	Thực hiện năm 2022		
		Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
1	Nhật Bản	5.606	4.222	1.384
2	Algeria	78	164	-86
3	CH Ireland	694	784	-90
4	Đào tạo XKLD (Giá vốn gồm khấu hao TTĐT và tiền thuê + thuế đất)	708	1.802	-1.094
	Cộng	7.086	6.972	114

1.2 Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

Năm 2022, lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu hoạt động với nhiều hạn chế. Công tác thu hồi công nợ chưa hiệu quả, một số khoản nợ khó đòi, đã lâu không thu hồi được nên phải trích lập dự phòng, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quý 2 năm 2022, theo chỉ đạo của cổ đông lớn Tổng Công ty Vinaconex, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành 02 Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 14/05/2022 về việc không ký mới hợp đồng kinh doanh hàng hoá thương mại

+ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT ngày 19/09/2022 yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh doanh, nhưng chỉ được ký mới và thực hiện hợp đồng với Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty.

Hoạt động kinh doanh không tiếp cận được các dự án/hợp đồng của Chủ đầu tư khác dẫn đến nguồn công việc ít, không đủ chi phí hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình/hợp đồng	Thực hiện năm 2022		
		Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
1	CTCP ĐTXD VINA2_HĐ34/2022/HĐKT/VINA2-MEC	2.290	2.154	136
2	CTCP ĐTXD VINA2_HĐ49/2022/HĐKT/VINA2-MEC	1.789	1.716	72
3	TCTy Vinaconex_Cung thiếu nhi	798	740	59
4	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2	550	521	29
5	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Đô – BQP	524	470	54
6	Công ty cổ phần Bách Thiên Lộc	385	327	58
7	HĐ số 20.06-3/2017/HĐTP/UDIC-VINACONEXMEC	254	225	29
8	Công ty cổ phần Cơ điện Phục Hưng	220	200	20
9	Tổng Công ty UDIC_Dự án Nhà B, Công an TP Hà Nội	203	162	41
10	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings		-109	109

11	Công ty cổ phần Phát triển Đô thị An Thịnh		-56	56
12	Xí nghiệp Xây dựng số 3 - T Cty UDIC - Cty TNHH MTV		-47	47
13	Công ty TNHH Công nghệ Vật liệu Xây dựng Phương Bắc		-26	26
14	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 52		-16	16
15	Công ty CP BĐS Dầu khí_HĐ số 10,13_Dự án 97-99 LH		-11	11
	Cộng	7.013	6.250	763

Chi phí bán hàng trong kỳ là 753 triệu đồng dẫn đến lợi nhuận ròng của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu chỉ 10 triệu đồng. (chưa phân bổ chi phí gián tiếp và khấu hao)

Trong kỳ, Công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 1.055 triệu đồng. Điều này ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

TT	Tên công trình/hợp đồng	Nợ phải thu	Trích lập dự phòng năm 2022
1	UDIC_HĐ MPĐ BV Bạch Mai	633	633
2	VC2_HĐ MPĐ Toà B KĐT Kim Văn – Kim Lũ	844	422
	Cộng	1.477	1.055

1.3 Hoạt động khác: Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Địa điểm	Diện tích	Thực hiện năm 2022		
			Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
1	Tầng 1, 17T6, Trung Hòa - Nhân Chính	365 m ²	2.747	332	2.415
2	Tầng 5, 25T1, Trung Hòa - Nhân Chính	181 m ²	625	287	338
3	Tầng 6, TN số 8 Quang Trung, Hà Đông	1.250 m ²	677	616	61
			4.049	1.235	2.814

- Lãi tiền gửi.

1.4 Công tác tổ chức và tình hình tài chính

Công ty kiện toàn lại bộ máy hoạt động, cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp lại nhân sự phù hợp nhằm sử dụng tối ưu nguồn nhân lực của Công ty; nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý tài chính kế toán hiệu quả và an toàn; Công tác báo cáo kế toán, báo cáo thuế định kỳ, chuyển lương cho người lao động thực hiện đầy đủ, kịp thời; kiểm toán theo đúng quy định.

1.5 Công tác Đảng, Đoàn thể và chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên

Chú trọng công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng. Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Tổng công ty về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tiết kiệm, tập trung xây dựng và nâng cao hơn nữa điều kiện làm việc.

Đảm bảo trả lương đầy đủ, đúng ngày cho CBCNV, bảo hiểm được đóng đầy đủ theo quy định, phần đầu đảm bảo đời sống cán bộ, điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm chu đáo.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là 11,7 triệu đồng/người/tháng chỉ bằng 88,60% so với năm 2021.

Công đoàn Công ty luôn chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, nhân viên Công ty vào các ngày sinh nhật, hiếu hỉ. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty cũng tổ chức nhiều hoạt động trao tặng quà Tết Nhâm Dần cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà Tết cho CBCNV Công ty; tổ chức các hoạt động “Tết sum vầy, xuân bình an” cho đoàn viên, người lao động theo kế hoạch của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

1.6 Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT:

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị tiến hành các cuộc họp, ban hành các quyết định và nghị quyết (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty.

Ban Điều hành đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao, giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa Công ty hoạt động đạt hiệu quả, hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững. Cụ thể như sau:

+ Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Đại hội đã bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027;

+ Điều hành, tổ chức hoạt động SXKD năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

+ Chỉ đạo lập báo cáo tài chính năm 2022, kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2022 theo quy định của pháp luật;

+ Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thăng Long;

+ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thay cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

+ Thông qua công tác nhân sự Công ty, giải thể Trung tâm XKLD tại TP HCM.

+ Miễn nhiệm và Bổ nhiệm mới Tổng Giám đốc Công ty

+ Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật Công ty

+ Bổ sung tài sản đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh doanh

+ Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty

+ Duy trì các thị trường xuất khẩu lao động nòng cốt: Nhật Bản, Rumani, Algeria...khai thác phát triển thị trường mới Ireland;

+ Định hướng hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty chỉ tập trung vào các dự án của Tổng Công ty Vinaconex và các đơn vị thành viên.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023, Công ty kế hoạch sản xuất kinh doanh được xây dựng với rất nhiều yếu tố bất lợi. Hai lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đều gặp khó khăn ngoài dự kiến.

Giấy phép hoạt động Xuất khẩu lao động của Công ty đã hết hạn ngày 31/12/2022. Công ty chưa được cấp đổi Giấy phép mới theo Luật nên công tác triển khai các đơn hàng mới trong và ngoài nước chưa thực hiện được.

Nguyên nhân chưa cấp đổi được giấy phép là do Công ty có các cổ đông là Tổng Công ty CP Vinaconex, Công ty CP Vimeco là Nhà đầu tư trong nước có yếu tố cổ đông nước ngoài, điều này gây ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển thị trường cũng như triển khai thực hiện các đơn hàng mới và cũ.

Trong năm 2022, theo chỉ đạo của cổ đông lớn Tổng Công ty CP Vinaconex, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành 02 Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 14/05/2022 về việc không ký mới hợp đồng kinh doanh hàng hoá thương mại

+ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT ngày 19/09/2022 yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh doanh, nhưng chỉ được ký mới và thực hiện hợp đồng với Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty.

Hoạt động kinh doanh không tiếp cận được các dự án/hợp đồng của Chủ đầu tư khác dẫn đến nguồn công việc ít, không đủ chi phí hoạt động.

Công ty xây dựng Quỹ lương tối thiểu dự kiến dành cho năm 2023 là **6,5 tỷ đồng** đảm bảo thu nhập cho 40 - 45 lao động với mức thu nhập bình quân 12 triệu đồng/người/tháng.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	% Thay đổi
- DOANH THU	18.167	27.444	151,07%
- LỢI NHUẬN SAU THUẾ	226	900	398,23%
- CỔ TỨC DỰ KIẾN	0%	Đại hội quyết định	

(Có bản chi tiết đính kèm)

2. Các giải pháp để triển khai thực hiện:

* Về Xuất khẩu lao động và đào tạo:

Kế hoạch năm 2023 dự kiến: **Doanh thu: 6,835 tỷ. Lợi nhuận gộp: 0,325 tỷ.**

TT	Thị trường	Quản lý đầu kỳ	Kế hoạch xuất cảnh	Về nước, KTHĐ	Quản lý cuối kỳ
1	Nhật Bản	460	20	260	220
2	Algeria	31	30		61
3	Ireland	29			29
4	Rumani		50		50
5	Jamaica		18		18
	Tổng Cộng	520	118	260	378

* Về kinh doanh xuất nhập khẩu: Kế hoạch năm 2023 dự kiến:

Doanh thu: 16,44 tỷ. Lợi nhuận gộp: 1,11 tỷ. Lợi nhuận ròng: 0,17 tỷ.

Năm 2023, Công ty thực hiện các dự án cầu TCTy và các đơn vị thành viên:

TT	Hợp đồng	Chủ đầu tư	Giá trị gói thầu
1	Đê Đông VC2_Máy Phát Điện	VC2	5.727.000.000
2	Cung Thiểu Nhi Hà Nội	VCG	13.296.300.000
	Cung cấp Hệ thống tủ module.		12.926.000.000
	Cung cấp Lắp đặt hệ thống điện.		370.300.000

* Hoạt động khác:

- Cho thuê văn phòng: Dự kiến: **Doanh thu: 4,15 tỷ. Lợi nhuận gộp: 2,89 tỷ.**

- Lãi tiền gửi.

Trên đây là toàn bộ nội dung đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 của Công ty xin ý kiến các Quý vị Cổ đông.

Ban điều hành Công ty trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông, các đối tác, khách hàng, Hội đồng quản trị và tập thể cán bộ nhân viên toàn Công ty đã luôn tin tưởng, đoàn kết, nhất trí, luôn đồng hành, ủng hộ và tạo mọi điều kiện để Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Minh Phú

**BÁO CÁO THỰC HIỆN SXKD
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH 2022 (NQĐHCĐ)	TH 2022	% so KH 2022	KH 2023	% so TH 2022
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	<u>Tổng giá trị sản lượng</u>	trđ	<u>54.000,00</u>	<u>28.874,95</u>	<u>53,47%</u>	<u>33.535,70</u>	<u>116,14%</u>
1	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	trđ	3.800,00	4.049,00	106,55%	4.150,00	102,49%
2	Thương mại dịch vụ	trđ	48.700,00	20.832,95	42,78%	27.865,40	133,76%
3	Sản xuất kinh doanh khác	trđ	1.500,00	3.993,00	266,20%	1.520,30	38,07%
II	<u>Tổng doanh thu</u>	trđ	<u>48.000,00</u>	<u>18.167,00</u>	<u>37,85%</u>	<u>27.444,00</u>	<u>151,07%</u>
1	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	trđ	3.800,00	4.049,00	106,55%	4.150,00	102,49%
2	Thương mại dịch vụ	trđ	44.000,00	14.100,00	32,05%	23.275,00	165,07%
a	Xuất khẩu lao động & đào tạo XKLD	trđ	8.000,00	7.087,00	88,59%	6.835,00	96,44%
b	Kinh doanh MMTB, vật liệu xây dựng	trđ	36.000,00	7.013,00	19,48%	16.440,00	234,42%
3	Sản xuất kinh doanh khác	trđ	200,00	18,00	9,00%	19,00	105,56%
III	<u>Tổng giá vốn</u>	trđ	<u>42.780,00</u>	<u>14.483,00</u>	<u>33,85%</u>	<u>23.117,00</u>	<u>159,61%</u>
1	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	trđ	1.210,00	1.237,00	102,23%	1.260,00	101,86%
2	Thương mại dịch vụ	trđ	41.390,00	13.232,00	31,97%	21.840,00	165,05%
a	Xuất khẩu lao động & đào tạo XKLD	trđ	7.890,00	6.982,00	88,49%	6.510,00	93,24%
b	Kinh doanh MMTB, vật liệu xây dựng	trđ	33.500,00	6.250,00	18,66%	15.330,00	245,28%
3	Sản xuất kinh doanh khác	trđ	180,00	14,00	7,78%	17,00	121,43%
IV	<u>Lợi nhuận gộp</u>	trđ	<u>5.220,00</u>	<u>3.684,00</u>	<u>70,57%</u>	<u>4.327,00</u>	<u>117,45%</u>
1	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	trđ	2.590,00	2.812,00	108,57%	2.890,00	102,77%
2	Thương mại dịch vụ	trđ	2.610,00	868,00	33,26%	1.435,00	165,32%
a	Xuất khẩu lao động & đào tạo XKLD	trđ	110,00	105,00	95,45%	325,00	309,52%
b	Kinh doanh MMTB, vật liệu xây dựng	trđ	2.500,00	763,00	30,52%	1.110,00	145,48%
3	Sản xuất kinh doanh khác	trđ	20,00	4,00	20,00%	2,00	50,00%
V	<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>	trđ	<u>1.300,00</u>	<u>1.836,00</u>	<u>141,23%</u>	<u>1.500,00</u>	<u>81,70%</u>
VI	<u>Chi phí hoạt động tài chính</u>	trđ	<u>50,00</u>	<u>242,00</u>	<u>484,00%</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00%</u>
VII	<u>Chi phí bán hàng</u>	trđ	<u>940,00</u>	<u>753,00</u>	<u>80,11%</u>	<u>937,00</u>	<u>124,44%</u>
1	Chi phí nhân viên (bao gồm BHXH, BHYT, KFCĐ)	trđ	940,00	753,00	80,11%	770,00	102,26%
2	Chi phí dịch vụ mua ngoài		0,00	0,00		167,00	
VIII	<u>Chi phí quản lý doanh nghiệp</u>	trđ	<u>5.470,00</u>	<u>6.381,00</u>	<u>116,65%</u>	<u>3.763,00</u>	<u>58,97%</u>
1	Chi phí nhân viên quản lý (bao gồm BHXH, BHYT, KFCĐ)	trđ	2.800,00	2.603,00	92,96%	2.190,00	84,13%
2	Chi phí khấu hao TSCĐ	trđ	1.170,00	1.147,00	98,03%	1.150,00	100,26%
3	Chi phí dự phòng	trđ	0,00	1.073,00		-1.055,00	-98,32%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	trđ	1.500,00	1.558,00	103,87%	1.478,00	94,87%
IX	<u>Thu nhập bất thường</u>	trđ	<u>0,00</u>	<u>2.139,00</u>		<u>0,00</u>	<u>0,00%</u>
X	<u>Chi phí bất thường</u>	trđ	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>		<u>0,00</u>	
XI	<u>Lợi nhuận trước thuế</u>	trđ	<u>60,00</u>	<u>283,00</u>	<u>471,67%</u>	<u>1.127,00</u>	<u>398,23%</u>

XII	<u>Thuế TNDN</u>	<u>trđ</u>	<u>12,00</u>	<u>57,00</u>	<u>475,00%</u>	<u>227,00</u>	<u>398,25%</u>
XIII	<u>Lợi nhuận sau thuế</u>	<u>trđ</u>	<u>48,00</u>	<u>226,00</u>	<u>470,83%</u>	<u>900,00</u>	<u>398,23%</u>
XIV	<u>Lao động và Quỹ tiền lương</u> <i>(chưa bao gồm BHXH, BHYT, KFCĐ)</i>	<u>trđ</u>	<u>7.950,00</u>	<u>6.480,00</u>	<u>81,51%</u>	<u>6.500,00</u>	<u>100,31%</u>
XV	<u>Cổ tức dự kiến</u>	<u>%</u>					

